TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày: 15 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HS, ngày 12 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh năm 1971 tại thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: T, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị M (đều đã chết); có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Ngày 15/6/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; ngày 01/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 25/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/01/2020 chuyển tạm giam đến nay; "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Lý*: Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

2. Phạm Văn T, sinh năm 1965 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Gia T (đã chết) và bà Phạm Thị T; có vợ là Phạm Thị T (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1989 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây tổn hại sức khỏe của người khác"; năm 2016 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/01/2020 chuyển tạm giam đến nay; "có mặt".

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; nơi cư trú: T, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt";

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 01/01/2020, Phạm Văn L đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16L1– 5222 đi từ tổ 18, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường để về nhà thì gặp Phạm Văn T đi xe mô tô biển kiểm soát 18F1– 016.94 đi cùng chiều. Do là bạn bè cùng nghiện ma túy nên T hỏi L có biết chỗ nào bán ma túy thì mua giúp 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và 01 bơm kim tiêm, L nhất trí và cầm 105.000đ (một trăm linh lăm nghìn đồng) của T. Khi đến khu vực đường dong làng Bích Câu thuộc tổ 12, thị trấn Xuân Trường, Thành đứng đợi ở ngoài đường 489C còn L đi vào trong làng Bích Câu; tại đây, qua dò hỏi L đã gặp và mua của một nam thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) Heroine (trong đó 100.000đ của T và 100.000đ L tự bỏ ra), người thanh niên cầm tiền và đưa lại cho L 02 ống nhựa nhỏ màu xanh bịt kín hai đầu giống nhau, bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng mà L xác định là Heroine. L còn mua thêm của nam thanh niên 01 bơm kim tiêm với giá 5000đ rồi cất hết vào trong túi quần đang mặc. Sau đó, L ra báo với T đã mua được và rủ T về nhà mình sử dụng cho kín đáo.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T và L về đến nhà L thì bị tổ công tác Công an huyện Xuân Trường yêu cầu kiểm tra, Lý tự giác giao nộp cho tổ công tác 02 đoạn ống nhựa vừa mua ở tổ 12 và khai nhận là Heroine, trong đó 01 ống mua cho Lý, 01 ống mua để sử dụng cho bản thân; T cũng khai nhận có nhờ L mua giúp 100.000đ Heroine để sử dụng cho bản thân như trên. Tổ công tác đã mời người chứng kiến, niêm phong tại chỗ 02 đoạn ống nhựa do L giao nộp, ký hiệu M và đưa L, T về trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của Lý 01 xe mô tô biển kiểm soát 16L1 – 5222, 02 bơm kim tiêm (trong đó có 01 chiếc của L có sẵn trong người và 01 chiếc L mới mua cho T); thu giữ của T 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F1 – 016.94.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn L và Phạm Văn T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản kết luận giám định số 12/GĐKTHS ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 đoạn ống nhựa nhỏ được niêm phong trong phòng bì ký hiệu M gửi giám định đều là ma túy; loại ma túy là Heroine; đoạn ống nhựa 1 là 0,115 gam; đoạn ống nhựa 2 là 0,106 gam; tổng khối lượng mẫu M là 0,221 gam.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn L và Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của mình cũng như không có khiếu nại về kết luận giám định đã nêu trên.

Cáo trạng số 18/CT-VKS, ngày 11/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh gia hành vi phạm tội, nhân thân tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm o, khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L;

Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T;

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 đến 21 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, cho tiêu hủy số Heroine và 02 bơm kim tiêm đã thu giữ của các bị cáo; trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F1 – 106.94 đã thu giữ của Phạm Văn T.

Bị cáo L, bị cáo T không tự bào chữa cho mình, tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo L phát biểu quan điểm: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự ra phiên tòa ngày hôm nay là đúng người, đứng tội, đúng pháp. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tình tiết này được quy định tại

điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khi nghị án cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội cải tạo sớm trở về hòa nhập cộng đồng và xã hội.

Bị cáo L nhất trí với quan điểm của người bào chữa. Trong lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, kết hợp với kết luận giám định về số ma túy thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 01/01/2020, Phạm Văn L và Phạm Văn T đã có hành vi cất giấu 0,221 gam Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân thì bị bắt giữ tại tổ 17, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Bị cáo Lý đã có 03 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội trước đã xác định là tái phạm nên lần phạm tội này được coi là tái phạm nguy hiểm. Do vậy, hành vi của bị cáo L đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 249; hành vi của bị cáo T cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của các bị cáo Phạm Văn L và Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện, tiếp tay cho tệ nạn mua bán, sử dụng trái phép chất ma tuý, một hiểm hoạ lớn cho toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm như: trộm cắp tài sản, cướp tài sản..., làm tan vỡ hạnh phúc bao gia đình. Các bị cáo là người nghiện ma túy, đã thấu hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình tàng trữ để sử dụng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe và phòng ngừa.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo nhờ nhau đi

mua ma túy. Bị cáo T bỏ số tiền 105.000đ nhờ bị cáo L đi mua ma túy và bơm kim tiêm; bị cáo L tự bỏ tiền 100.000đ để mua Heroine sử dụng cho bản thân nhưng bị cáo T không biết nên xét về mặt chủ quan, bị cáo T chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ khối lượng Heroine tương ứng số tiền 100.000đ, còn bị cáo Lý chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ khối lượng Heroine tương ứng với số tiền 200.000đ.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án. Bị cáo T được xác định không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội lần này của bị cáo L được xác định là tái phạm nguy hiểm nhưng đã coi là tình tiết định khung nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đều được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T có bố mẹ đẻ đều được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên Hội đồng xét xử cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi cũng như theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng trừng trị, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến vị trí, vai trò của các bị cáo trong việc Tàng trữ trái phép chất ma túy như đã phân tích ở trên để làm căn cứ quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng thu giữ: Số Heroine đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành và 02 bơm kim tiêm không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, cho tiêu hủy; chiếc xe mô tô đã thu giữ của bị cáo T, bị cáo dùng vào việc đi mua ma túy để sử dụng, xét thấy đây là phương tiện đi lại hàng ngày của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 16L1 - 5222 thu giữ của Phạm Văn L. Qúa trình điều tra xác định được chủ sở hữu chiếc xe là của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1975, trú tại: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Anh T cho L mượn chiếc xe trên nhưng không biết L dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường trả lại cho anh Tuấn là phù hợp.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo L, bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ; cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không đủ cơ sở kết luận nên đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý";

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L6 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/01/2020.;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/01/2020.

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a; c khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, cho tiêu hủy số Heroine trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 12/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và 02 bơm kiêm tiêm; trả lại cho bị cáo T 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F1 – 016.94.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 15/THA ngày 01/4/2020 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Phạm Văn L và Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện ;
- Chi cục THADS huyện ;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- UBND thị trấn X;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

(đã ký)

Phạm Ngọc Long